

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thái và ông Ngô Bảo Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hợi, thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐXXST-HS ngày 02/7/2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Ngọc H (Tên gọi khác: H c, Ú), sinh năm 1981 tại thành phố P, tỉnh G; nơi cư trú: 55/3/16 S, phường H, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh N và bà Ngô Thị Kim H (đều đã chết); tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2018, tạm giam ngày 04/3/2018 đến nay. Có mặt

- Người bị hại: Anh Đàm Văn Phong V (Ú), sinh năm 1994. Có mặt

Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm 1991. Vắng mặt

Trú tại: Bôn H, xã C, thị xã A, tỉnh G.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hồ Quốc H, sinh năm 1990

Trú tại: Bôn H, xã C, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt.

2. Anh Trần Đình K, sinh năm 1980

Trú tại: 127 T, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1995. Vắng mặt.

2. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1986. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc H và vợ chồng anh Đàm Văn Phong V, chị Phan Thị Hồng T có mối quan hệ bạn bè. Khoảng 17 giờ 30 ngày 25/02/2018, H mượn xe mô tô nhãn Hiệu Yamaha Sirius, BKS 81M1- 07693 của ông Hồ Quốc H đi đến nhà V. Khi đến nhà anh V, H thấy cửa khóa, không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh V trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, H dựng xe mô tô cách nhà anh V khoảng 50m rồi đi bộ đến nhà anh V, đi theo đường luồng, trèo lên cửa sổ phòng khách rồi đu lên lan can đột nhập vào trong tầng gác lửng, sau đó đi theo cầu thang xuống tầng trệt rồi đẩy cửa đi vào phòng ngủ, mở cửa tủ lục tìm tài sản và phát hiện tại ngăn tủ nhỏ phía dưới có 01chiếc ví đựng tiền, H mở ví lấy hết số tiền 27.120.000 đồng bên trong rồi để chiếc ví lại chỗ cũ, sau đó tẩu thoát ra ngoài theo lối vào lúc trước. Với ý định sử dụng tiền trộm cắp được để mua vàng, H điều khiển xe mô tô đi đến tiệm vàng L mua của anh Trần Đình K 07 chỉ vàng với giá 3.700.000đ/01 chỉ (Trong đó: 01 nhẫn vàng 05 chỉ và 01 nhẫn vàng 02 chỉ). Sau đó H điều khiển xe mô tô đi về nhà chị Nguyễn Thị Thúy H nhờ H giữ giùm 01 nhẫn vàng 02 chỉ. Còn H giữ 01 nhẫn vàng 05 chỉ. Số tiền trộm cắp còn lại 1.220.000 đồng H đi ăn nhậu, tiêu xài. Khi tiêu hết số tiền, H nhờ Nguyễn Ngọc B mang chiếc nhẫn vàng 05 chỉ đi bán 02 chỉ, B đồng ý mang chiếc nhẫn đến tiệm vàng L bán cho anh Trần Đình K 02 chỉ, anh K trả tiền mua 02 chỉ vàng 7.200.000 đồng và đưa lại cho B 01 nhẫn 02 chỉ và 01 nhẫn 01 chỉ. B mang toàn bộ số tiền và hai nhẫn vàng về đưa lại cho H. H đã tiêu xài hết số tiền bán vàng 7.200.000đồng còn 02 nhẫn vàng H cất giấu trong người. Đến ngày hôm sau 26/2/2018 H bị bắt.

* Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc nhẫn tròn màu vàng bằng kim loại có đường kính 1,8cm (mặt trong nhẫn có dòng chữ in nổi: LIEN THANH 99% CUONG AYUNPA 20) 02 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn tròn màu vàng bằng kim loại có đường kính 1,6cm, mặt ngang nhẫn dài 0,5cm (mặt trong nhẫn có dòng chữ in nổi :LIEN THANH 99% CUONG AYUNPA 20) 02 chỉ vàng; 01 (một) chiếc nhẫn tròn màu vàng bằng kim loại có đường kính 1,6cm, mặt ngang nhẫn dài 0,4cm (mặt trong nhẫn có dòng chữ in nổi: LIEN THANH 99% CUONG AYUNPA 20) có trọng lượng 01 chỉ;

Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AyunPa đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả 03 chiếc nhẫn tròn màu vàng có đặc điểm nêu trên cho ông Trần Đình K.

- Tiền VNĐ 18.700.000 đồng do anh Trần Đình K giao nộp. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả 18.700.000 đồng cho vợ chồng anh Đàm Văn Phong V, chị Phan Thị Hồng T.

- 01 (một) đôi dép màu đen, loại dép xỏ ngón, quai dép làm bằng da và vải, có màu đỏ xanh (kích thước dài 25,5cm, nơi rộng nhất 10,3cm, nơi hẹp nhất 5,5cm, chiều dài đế dép 25cm; 01 (một) quần Jeans màu xanh, dài 197cm, hiệu

leisuve có nhiều vết rách diện (3,5x4)cm, (6,5x12)cm, (6x4,5)cm, (3,5x4,5)cm, (10x5)cm, (4,5x5)cm là của bị cáo Huỳnh Ngọc H. Vật chứng đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A

- 01(một) USB có vỏ bằng kim loại màu trắng (kích thước (3,9 x 0,4 x 1,2)cm, một mặt của USB có ghi chữ “Kingston” mặt còn lại ghi chữ DTSE - 4GB đã lưu các dữ liệu hình ảnh chụp khi khám nghiệm hiện trường vụ Trộm cắp tài sản xảy ra tại nhà anh Đàm Văn Phong V (USB đã được niêm phong). Vật chứng lưu trong Hồ sơ vụ án.

* *Trách nhiệm dân sự*: Vợ chồng anh Đàm Văn Phong V, chị Phan Thị Hồng T đã nhận số tiền 18.700.000 đồng do anh Trần Đình K giao nộp. Số tiền còn lại 8.420.000 đồng vợ chồng anh V không yêu cầu Huỳnh Ngọc H phải bồi thường; anh Trần Đình K đã nhận lại 03 chiếc nhẫn có đặc điểm nêu trên, nay không yêu cầu gì đối với bị cáo Huỳnh Ngọc H.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc H (Hc, Ú) về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa:

Bị cáo Huỳnh Ngọc H (Hc, Ú) khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Huỳnh Ngọc H (Hc, Ú) về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H với mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Đàm Văn Phong V, chị Phan Thị Hồng T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình K không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy đối với đôi dép màu đen, loại dép xỏ ngón, quai dép làm bằng da và vải, có màu đỏ xanh và 01 quần Jeans màu xanh của Huỳnh Ngọc H.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự truy thu đối với bị cáo số tiền 8.420.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo và người bị hại: Thống nhất với tội danh, điều, khoản và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về xử lý vật chứng vụ án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng.

Ý kiến của Người bị hại anh Đàm Văn Phong V đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về dân sự: là chỗ bạn bè nên không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mất (8.420.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 30 ngày 25/02/2018, Huỳnh Ngọc H đến nhà anh Đàm Văn Phong V thấy cửa khóa, không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi theo đường luồng, trèo lên cửa sổ phòng khách đột nhập vào nhà anh V trộm cắp số tiền 27.120.000 đồng, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn xâm hại đến trật tự trị an cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội.

Về nhân thân: Bị cáo tuy được coi là chưa có tiền án, nhưng bị cáo có nhân thân xấu; năm 2002 đã bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 30 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, song không lấy đó làm bài học để khắc phục, sửa chữa sai lầm của bản thân để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử phạt tù bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với anh Trần Đình K, anh Nguyễn Ngọc B, chị Nguyễn Thị Thúy H đều hoàn toàn không biết mình tiêu thụ, giữ gìn tài sản là do phạm tội mà có; anh Hồ Quốc H cho bị cáo sử dụng xe mô tô cũng không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, anh K, anh B, chị H, anh H đều không có lỗi nên không có căn cứ khởi tố về hình sự là đúng pháp luật.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về mức hình phạt: Xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; mức hình phạt đối với tội mà bị cáo phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm; xét mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cao,

HĐXX xử phạt bị cáo với mức án thấp hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, truy thu của bị cáo số tiền 8.420.000 đồng. Tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội”. Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, tự nguyện cho luôn bị cáo số tiền đã mất (8.420.000 đồng), nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát truy thu số tiền này là không có cơ sở, nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về ý kiến của bị cáo, người bị hại: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến người bị hại: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường; HĐXX xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc H (Hc, Ú) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H (Hc, Ú) 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 26 tháng 02 năm 2018).

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép và 01 quần Jeans.

Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 16/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc H (Hc, Ú) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2018), bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TX Ayun Pa;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an TX Ayun Pa;
- Chi Cục THS DS TX Ayun Pa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh